

Số: 706 /QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn
Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, số

08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ văn bản số 6601/BXD-CĐBVN ngày 06/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa bổ sung cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 179/QLCL ngày 29/6/2026 của Phòng Quản lý chất lượng;

Theo đề nghị của Khu Quản lý đường bộ IV (QLĐB IV) tại Tờ trình số 99/TTr-KQLĐBIV ngày 25/6/2026 về việc trình phê duyệt Dự án và Báo cáo kiểm tra số 1184/BC-BQLĐAĐBMN ngày 24/6/2026 của Ban QLDA đường bộ Miền Nam về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh, kèm theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty TNHH khảo sát thiết kế Công trình giao thông lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: trong phạm vi đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ IV.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH khảo sát thiết kế Công trình giao thông.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Loại, nhóm dự án: sửa chữa công trình giao thông đường bộ, nhóm C.
- Loại, cấp công trình chính: sửa chữa công trình giao thông đường bộ; Công trình cấp II (Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của Quốc lộ 1 hiện tại).
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu dự án: Sửa chữa hư hỏng mặt đường, tăng cường kết cấu mặt đường BTN, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông (ATGT) nhằm duy trì tình trạng khai thác ổn định, đảm bảo ATGT và kéo dài tuổi thọ công trình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Giữ nguyên quy mô công trình hiện hữu (đường cấp III đồng bằng; quy mô mặt cắt ngang, bề rộng nền đường 21,5m; 04 làn xe cơ giới 4x3,5m; 02 làn xe thô sơ 2x2m; dải phân cách giữa 0,5m), tiến hành sửa chữa, bảo trì các hạng mục hư hỏng mặt đường; hoàn thiện hệ thống ATGT nhằm hạn chế sự gia tăng hư hỏng, xuống cấp của mặt đường, duy trì khả năng khai thác, kéo dài tuổi thọ công trình.

8.2. Giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường

a) Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang

- Bình đồ: giữ nguyên các yếu tố hình học của tuyến theo hiện trạng đang khai thác.
- Trắc dọc: Thiết kế trắc dọc đảm bảo chiều dày thảm bảo trì mặt đường; vượt nổi về mặt đường hiện hữu đảm bảo êm thuận.
- Trắc ngang
 - + Chiều rộng nền, mặt đường: Theo quy mô mặt cắt ngang hiện hữu.
 - + Độ dốc ngang: Thiết kế độ dốc ngang hoàn trả cơ bản theo dốc ngang mặt đường hiện hữu, có điều chỉnh cục bộ đảm bảo êm thuận và thoát nước mặt đường.

b) Sửa chữa hư hỏng cục bộ

- Đối với các vị trí hư hỏng mặt đường nhẹ (hư hỏng 01 lớp BTN): cào bóc kết cấu mặt đường cũ dày trung bình 6cm, tưới nhũ tương nhựa đường dính bám CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m², thảm hoàn trả lớp BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC1).
- Đối với các vị trí hư hỏng mặt đường nặng (hư hỏng 02 lớp BTN): cào bóc kết cấu mặt đường cũ dày trung bình 13cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 7cm; tưới nhũ tương nhựa đường dính bám CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC2).

- Đối với các vị trí hư hỏng mặt đường đến lớp móng (hư hỏng 02 lớp BTN và móng): đào bỏ lớp kết cấu hư hỏng dày trung bình 28cm; hoàn trả cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; tưới thấm bảm bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0kg/m²; thấm hoàn trả bằng BTN C19 dày 7cm; tưới nhũ tương nhựa đường dính bảm CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; thấm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC3).

- Đối với vị trí nút giao (ngã ba, giao với đường tỉnh 818, lý trình Km1940+335, QL.1) có đèn tín hiệu giao thông giải pháp sửa chữa như các kết cấu KC1, KC2 nêu trên, trong đó các lớp BTN có tăng cường thêm phụ gia kháng hàn lún.

c) Thảm bảo trì mặt đường

- Sau khi sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường, tưới nhũ tương nhựa đường dính bảm CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bù vênh và thấm tăng cường lớp BTN C16 dày 5cm (có phụ gia kháng hàn lún) trên toàn bộ mặt đường.

- Vuốt nối êm thuận 02 đầu đoạn thảm bảo trì và đường ngang dân sinh bằng BTN C16 (có phụ gia kháng hàn lún) dày trung bình 2,5cm.

d) Lê đường

- Lê đường: Đắp bằng vật liệu tận dụng phù hợp, độ chặt $K \geq 0,95$.

- Đối với đoạn có hệ thống hộ lan mềm chưa được gia cố, trong phạm vi 50cm dưới chân hộ lan mềm, tiến hành gia cố bằng BTXM $f'c=12\text{MPa}$ dày 7cm, trên lớp ni lông lót.

- Vuốt nối từ mép đường về bó vỉa, rãnh dọc bằng BTXM $f'c=20\text{MPa}$.

8.2.2. Hệ thống an toàn giao thông

- Sơn kẻ đường: Sau khi sửa chữa mặt đường, hoàn trả, hoàn thiện hệ thống sơn kẻ đường bằng sơn phản quang nhiệt dẻo theo QCVN 41:2024/BGTVT và theo yêu cầu kỹ thuật của TCVN 8791:2011, TCCS 34:2020/TCĐBVN.

- Sửa chữa, thay thế các cọc H gắn trên lưới chống chói giải phân cách giữa bị hư hỏng theo QCVN 41:2024/BGTVT.

- Nâng cao hộ lan tôn sóng để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa, đảm bảo đúng chiều cao quy định theo TCVN 12681:2019.

8.3. Đảm bảo ATGT và vệ sinh môi trường (VSMT): Tổ chức đảm bảo ATGT và VSMT trong suốt quá trình thi công tuân thủ theo quy định hiện hành.

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
- TCVN 8867:2025 Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman;
- TCVN 14182:2024 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

- TCCS 21:2018/TCĐBVN Phương pháp đo và đánh giá chiều sâu lún vết bánh xe mặt đường mềm bằng thước thẳng;
- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 7887:2018 Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;
- TCVN 12586:2019 Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 12681:2019 Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng;
- TCVN 13567-1:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCVN 13567-5:2024: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô;
- TCVN 8859:2023: Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023: Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường a xít - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 14270:2024: Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8818-1:2011: Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 7493:2005 ÷ TCVN 7504:2005: Bitum - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm;
- TCVN 13049:2020: Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu: TCVN 4453-1995;
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2012;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9115:2012;

- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 29.195.468.000 Đồng (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	25.244.308.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	592.540.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.549.288.000 đồng
- Chi phí khác:	419.072.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	1.390.260.000 đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2027 (theo kế hoạch chi được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách nhà nước);

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: theo kế hoạch giao dự toán chi của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: áp dụng hình thức quản lý dự án là Ban Quản lý dự án chuyên ngành.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong các bước tiếp theo, Chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này và Báo cáo thẩm định số 179/QLCL ngày 29/6/2026 của Phòng Quản lý chất lượng, chỉ đạo tư vấn thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

2. Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng rà soát, cập nhật các hư hỏng và điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán gói thầu (nếu cần) để hạn chế việc phát sinh khối lượng trong quá trình triển khai gói thầu.

3. Trong quá trình thực hiện dự án, tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định;

tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, ATGT và VSMT tuân thủ quy định pháp luật, tránh thất thoát lãng phí.

4. Trước khi triển khai thi công chỉ đạo các đơn vị liên quan

a) Lập tiến độ thi công chi tiết của từng hạng mục công việc chính, phù hợp với tiến độ tổng thể; kiểm soát và đẩy nhanh tiến độ thi công để giảm thiểu tối đa thời gian thi công, hạn chế ảnh hưởng tới giao thông trên tuyến.

b) Rà soát chi tiết hiện trạng hư hỏng mặt đường hiện hữu, các số liệu đảm bảo trung thực, minh bạch và khách quan; căn cứ tình trạng hư hỏng móng, mặt đường thực tế, đánh giá tình trạng hư hỏng các lớp bên dưới để quyết định phạm vi, chiều sâu, giải pháp xử lý cho phù hợp đảm bảo việc sửa chữa chất lượng, triệt để hư hỏng, tiết kiệm kinh phí và hiệu quả đầu tư tổng thể của dự án.

c) Rà soát kỹ hệ thống ATGT, biển báo, sơn kẻ đường... trước khi thi công các hạng mục này để điều chỉnh, bổ sung (nếu cần) nhằm bảo đảm công trình được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý và an toàn trong khai thác, sử dụng.

5. Trên cơ sở Quyết định này, triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan. Trong đó lưu ý: trường hợp cấp có thẩm quyền điều chỉnh chính sách thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định đó; căn cứ thời gian thực hiện, nghiệm thu, thanh toán đối với từng khối lượng, hạng mục công việc để chiết giảm thuế VAT và một số phí, lệ phí có liên quan theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng Kế hoạch - Tài chính; Quản lý chất lượng; Quản lý bảo trì; Giám đốc Khu QLDB IV và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *truan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Kho Bạc NN khu vực;
- Ban QLDAĐBMN;
- TVTK (Khu QLDB IV sao, gửi);
- Lưu: VT, QLCL (03b).

bin 2

KT. CỤC TRƯỞNG
PHỤ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Viết Huy



CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa mặt đường,
hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670,
Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh**

Kính gửi: Phó Cục trưởng Nguyễn Viết Huy

Phòng Quản lý chất lượng nhận được Tờ trình số 99/TTr-KQLĐBIV ngày 25/6/2026 của Khu Quản lý đường bộ IV về việc trình phê duyệt dự án và Báo cáo kiểm tra số 1184/BC-BQLDAĐBMN ngày 24/6/2025 của Ban QLDA đường bộ Miền Nam về việc kiểm tra Báo cáo KTKT dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh, kèm theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Công trình giao thông lập.

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ văn bản số 6601/BXD-CĐBVN ngày 06/5/2026 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa bổ sung cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CĐBVN ngày 10/3/2025 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam (Cục ĐBVN) quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức tham mưu giúp việc Cục trưởng Cục ĐBVN;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-CĐBVN ngày 12/9/2025 của Cục trưởng Cục ĐBVN về việc phân giao nhiệm vụ tham mưu triển khai các Dự án sửa chữa định kỳ sử dụng ngân sách nhà nước nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ do Cục ĐBVN quản lý.

Sau khi xem xét, Phòng Quản lý chất lượng kính báo cáo Phó Cục trưởng Nguyễn Viết Huy kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án

- Loại, nhóm dự án: sửa chữa công trình giao thông đường bộ, nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: công trình cấp II (Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của Quốc lộ 1 hiện tại).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.
4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý Đường bộ IV.
5. Địa điểm xây dựng: trong phạm vi đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng
 - Theo Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 của Cục ĐBVN, dự kiến kinh phí là: **29.400.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm triệu đồng*).
 - Tổng mức đầu tư trình duyệt: **29.400.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm triệu đồng*).
7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước, nguồn sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ.
8. Thời gian thực hiện: Năm 2026-2027 (*theo kế hoạch vốn được giao*).
9. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng
 - TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
 - TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;
 - TCVN 8867:2025 Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman;
 - TCVN 14182:2024 Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;
 - TCCS 21:2018/TCĐBVN Phương pháp đo và đánh giá chiều sâu lún vệt bánh xe mặt đường mềm bằng thước thẳng;
 - TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
 - QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông;
 - TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
 - QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
 - TCVN 7887:2018 Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;
 - TCVN 12586:2019 Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
 - TCVN 12681:2019 Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng;
 - TCVN 13567-1:2022: Lốp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
 - TCVN 13567-5:2024: Lốp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô;

- TCVN 8859:2023: Móng cáp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;

- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường a xít - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;

- TCVN 14270:2024: Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8818-1:2011: Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 7493:2005 ÷ TCVN 7504:2005: Bi tum - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm;

- TCVN 13049:2020: Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu: TCVN 4453-1995;

- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2012;

- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu: TCVN 9115:2012;

- TCCS 14:2016/TCĐBVN Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Công trình giao thông.

- Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Ông Bùi Văn Quân.

- Chủ nhiệm khảo sát: Ông Phạm Văn Thì.

- Chủ trì lập dự toán: Ông Nguyễn Thị Thúy.

11. Nhà thầu tư vấn thẩm tra (nếu có): không.

12. Các thông tin khác (nếu có): không.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa bổ sung cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

- Quyết định số 305/QĐ-KQLĐBIV ngày 11/5/2026 của Khu QLDB IV về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ thiết kế, dự toán chi phí và kế hoạch lựa

chọn nhà thầu Tư vấn đầu tư xây dựng chuẩn bị dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 326/QĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026 của Khu QLDB IV về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thuộc dự án trên;

- Hợp đồng số 262/2026/HĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026 giữa Khu Quản lý đường bộ IV và Công ty TNHH Khảo sát thiết kế công trình giao thông về việc Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc dự án;

- Tờ trình số 99/TTr-KQLĐBIV ngày 25/6/2026 của Khu Quản lý đường bộ IV về việc trình phê duyệt dự án và Báo cáo kiểm tra số 1184/BC-BQLDAĐBMN ngày 24/6/2026 của Ban QLDA đường bộ Miền Nam về việc kiểm tra Báo cáo KTKT dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra

- Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát: 01 bộ

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: 01 bộ.

- Hồ sơ Báo cáo kết quả thẩm tra: Không có.

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu tư vấn

3.1. Thông tin của nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Công trình giao thông có chứng chỉ năng lực hoạt động số: BXD-00000838 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 19/10/2023 (khảo sát xây dựng địa hình, địa chất công trình hạng I; thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu đường bộ, đường bộ) hạng I, có giá trị đến ngày 19/10/2033.

3.2. Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn

- Chủ trì khảo sát: Ông Phạm Văn Thì, chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình, hạng II số HNT-00105695 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 03/4/2023, có hiệu lực đến ngày 03/4/2028;

+ Chủ nhiệm thiết kế: Ông Bùi Văn Quân, chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông đường bộ, hạng II số: HNT-00105694 do Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 17/4/2023, có hiệu lực đến ngày 17/4/2028;

+ Chủ trì lập dự toán: Bà Trần Thị Thúy, chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng, hạng II số KTE-00057821 cấp ngày 16/12/2024, có hiệu lực đến ngày 16/12/2029.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Chi tiết theo nội dung Tờ trình số 99/TTr-KQLDB IV ngày 25/6/2026 của Khu Quản lý Đường bộ IV, đề nghị phê duyệt Dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn

thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

Theo Báo cáo kiểm tra số 1184/BC-BQLDAĐBMN ngày 24/6/2026 của Ban QLDA đường bộ Miền Nam về việc kiểm tra hồ sơ dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.

2. Phạm vi, quy mô đầu tư

- Phạm vi: Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh.
- Quy mô đầu tư: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT.

3. Giải pháp thiết kế

3.1. Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang:

- Bình đồ: Tim tuyến được bám theo tim đường hiện hữu và giữ nguyên các yếu tố hình học của tuyến theo hiện trạng đang khai thác.
- Trắc dọc: Thiết kế trắc dọc đảm bảo chiều dày thảm bảo trì mặt đường; vượt nổi về mặt đường hiện hữu đảm bảo êm thuận.
- Trắc ngang:
 - + Chiều rộng nền, mặt đường: Theo quy mô mặt cắt ngang hiện hữu.
 - + Độ dốc ngang: Thiết kế độ dốc ngang hoàn trả cơ bản theo dốc ngang mặt đường hiện hữu, có điều chỉnh cục bộ đảm bảo êm thuận và thoát nước mặt đường.

3.2. Sửa chữa nền, mặt đường:

a) Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường:

- Đối với các vị trí mặt đường hư hỏng nhẹ (hư hỏng 01 lớp BTN): Cào bóc kết cấu mặt đường cũ dày TB 6cm, tưới nhũ tương nhựa đường dính bám CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m², thảm hoàn trả lớp BTNC 19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC1);
- Đối với các vị trí mặt đường hư hỏng nặng (hư hỏng 02 lớp BTN): Cào bóc kết cấu mặt đường cũ dày TB 13cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTNC 19 dày 7cm; tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTNC 19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC2);
- Đối với các vị trí mặt đường hư hỏng đến lớp móng (hư hỏng 02 lớp BTN và móng): Đào bỏ lớp kết cấu hư hỏng dày trung bình 28cm; hoàn trả cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; tưới thấm bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTNC 19 dày 7cm; tưới dính bám bằng nhũ tương phân tách nhanh CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTNC 19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu (sửa chữa KC3);
- Đối với các vị trí nút giao (ngã ba, giao với đường tỉnh 818, lý trình Km1940+335, QL.1) có đèn tín hiệu giao thông giải pháp sửa chữa như các kết cấu

KC1, KC2 nêu trên, trong đó các lớp BTN có tăng cường thêm phụ gia kháng hàn lún.

b) Thảm bảo trì mặt đường:

- Sau khi sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường, tưới nhũ tương nhựa đường dính bám CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; bù vênh và thảm tăng cường lớp BTNC 16 dày 5cm (có phụ gia kháng hàn lún) trên toàn bộ mặt đường.

- Vuốt nổi êm thuận 02 đầu đoạn thảm bảo trì, đường ngang dân sinh và các vị trí bó vỉa, bằng BTN C16 (có phụ gia kháng hàn lún) dày trung bình 2,5cm.

c) Gia cố lề:

- Lề đường: Đắp bằng vật liệu tận dụng phù hợp, độ chặt $K \geq 0,95$.

- Đối với đoạn có hệ thống hộ lan mềm chưa được gia cố, trong phạm vi 50cm từ mép đường, tiến hành gia cố bằng BTXM $f'c=12\text{MPa}$ dày 7cm, trên lớp nilông lót.

- Vuốt nổi từ mép đường về bó vỉa, rãnh dọc bằng BTXM $f'c=20\text{MPa}$.

3.3. Hệ thống an toàn giao thông:

- Sơn hoàn trả, hoàn thiện vạch sơn báo hiệu đường bộ bằng sơn dẻo nhiệt phản quang. Quy cách, kích thước vạch sơn theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Sửa chữa, thay thế cọc H gắn lên tấm chống chói bị mất và hư hỏng không đảm bảo theo quy chuẩn báo hiệu đường bộ;

- Nâng cao hộ lan tôn sóng để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa, đảm bảo đúng chiều cao quy định.

3.4. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường: Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công tuân thủ theo quy định hiện hành.

4. Tổng mức đầu tư: 29.400.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	25.632.723.000	đồng
- Chi phí QLDA:	600.945.000	đồng
- Chi phí TVĐTXD:	1.560.755.000	đồng
- Chi phí khác:	421.187.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	1.184.390.000	đồng

Cơ sở lập dự toán

- Khối lượng được xác định trên cơ sở hồ sơ thiết kế do TVTK thực hiện và đã được Ban QLDA đường bộ miền Nam soát xét, trình duyệt.

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TTB XD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối

lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 12/2021/TT-BXD, Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021;

- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

- Đơn giá nhân công, xe máy: lấy theo Quyết định số 512/QĐ-SXD ngày 06/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Long An cũ (theo hướng dẫn tại văn bản số 833/SXD-QLHĐXD ngày 05/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng đơn giá nhân công, bảng giá ca máy và thiết bị thi công trong quá trình thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Tây Ninh).

- Giá vật liệu: lấy theo công bố giá tháng 5/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh. Các loại vật liệu không có trong công bố giá thì lấy theo giá thị trường.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng

a) Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu được xác định trong quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư

- Bộ Xây dựng đã có Văn bản 6601/BXD-CĐBVN ngày 06/5/2026 về việc chấp thuận bổ sung danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026.

- Cục ĐBVN đã có Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 cho phép chuẩn bị đầu tư; Khu QLDB IV đã có Quyết định số 326/QĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026 phê duyệt kết quả chỉ định thầu và ký Hợp đồng số 262/2026/HĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026 với đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT Dự án.

Công trình đủ điều kiện pháp lý tổ chức khảo sát, lập Báo cáo KTKT và trình Cục ĐBVN phê duyệt theo quy định.

b) Sự phù hợp với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận

- Tên dự án: đúng với tên dự án tại Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư.

- Kinh phí thực hiện: Tổng mức đầu tư trình duyệt là 29,4 tỷ đồng bằng kinh phí dự kiến trong Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư (29,4 tỷ đồng).

- Quy mô, giải pháp thiết kế: cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư tại Quyết định số 460/QĐ-CĐBVN ngày 07/5/2026 của Cục trưởng Cục ĐBVN.

2. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế BVTC về đảm bảo an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận: cơ bản phù hợp.

3. Việc lập tổng mức đầu tư xây dựng, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng: Hồ sơ Tổng mức đầu tư cơ bản tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xác định chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

* Sự tuân thủ quy định pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng, phương pháp lập dự toán so với quy định hiện hành: Tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

* Sự phù hợp khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: cơ bản phù hợp.

(Chi tiết khối lượng hạng mục chủ yếu tại Phụ lục I kèm theo)

* Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản chi phí khác trong dự toán xây dựng

- Các khoản mục chi phí phù hợp với quy định tại Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản chi phí khác trong dự toán xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành. Tuy nhiên một số nội dung cần rà soát, điều chỉnh cho phù hợp đã được TVTK rà soát, thống nhất và chỉnh sửa, cụ thể:

+ Cập nhật giá nhiên liệu tại thời điểm thẩm định.

+ Chuẩn xác lại chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác theo quy định hiện hành và theo chi phí xây dựng sau khi thẩm định.

+ Một số nội dung khác điều chỉnh trực tiếp trong dự toán.

+ Điều chỉnh chi phí dự phòng đảm bảo tỷ lệ dự phòng $\leq 5\%$

- Tổng mức đầu tư sau thẩm định

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị sau thẩm định	Tăng (+); Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	25.632.723.000	25.244.308.000	-388.415.000
2	Chi phí quản lý dự án	600.945.000	592.540.000	-8.405.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.560.755.000	1.549.288.000	-11.467.000
4	Chi phí khác	421.187.000	419.072.000	-2.115.000
5	Chi phí dự phòng	1.184.390.000	1.390.260.000	205.870.000
	Tổng cộng	29.400.000.000	29.195.468.000	-204.532.000

(Chi tiết Tổng mức đầu tư xây dựng công trình tại Phụ lục II kèm theo)

* Nguyên nhân tăng, giảm: do điều chỉnh một số nội dung theo ý kiến thẩm định nêu trên.

* Giá trị Tổng mức đầu tư sau thẩm định được xác định trên cơ sở:

a) Về chi phí xây dựng

- Khối lượng: theo hồ sơ do TVTK lập, được Khu QLDB IV soát xét, trình duyệt và hoàn thiện theo ý kiến thẩm định tại mục 2.

- Định mức, đơn giá

+ Về định mức: theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 và số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD;

+ Giá nhân công, ca máy: theo Quyết định số 833/SXD-QLHĐXD ngày 05/8/2025 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng đơn giá nhân công, bảng giá ca máy và thiết bị thi công trong quá trình thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định 512/QĐ-SXD ngày 06/6/2025 về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) năm 2025;

+ Giá vật liệu: theo Công bố giá VLXD tháng 5/2026 số: 6927/TB-SXD ngày 10/6/2026 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh (khu vực Long An cũ); một số vật liệu không có trong thông báo giá của địa phương hoặc giá địa phương công bố chưa phù hợp với mặt giá tại thời điểm phê duyệt, tham khảo báo giá của các nhà cung ứng đảm bảo tính cạnh tranh.

+ Giá nhiên liệu: theo Thông cáo báo chí ngày 25/6/2026 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

+ Giá điện theo Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công thương về giá bán điện.

+ Giá nhựa đường, nhũ tương: Tham khảo các báo giá của các nhà cung cấp, so sánh lựa chọn đảm bảo tính cạnh tranh.

b) Chi phí quản lý dự án: Theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

c) Chi phí tư vấn

- Chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình theo Hợp đồng số 262/2026/HĐ-KQLĐBIV ngày 08/9/2025 giữa Khu Quản lý đường bộ IV và Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Công trình giao thông;

- Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình: theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: theo Nghị định số

214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ.

d) Chi phí khác

- Phí thẩm định lập dự án: theo các Thông tư của Bộ Tài chính, số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 và số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025;

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán: theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Chi phí đảm bảo giao thông: được tính theo như chi phí xây dựng.

đ) Chi phí dự phòng: bằng 5% của tổng các chi phí xây dựng, chi phí QLDA, chi phí tư vấn ĐTXD và chi phí khác.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, phương án GPMB: hình thức thực hiện dự án: Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực (theo Điều 24, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ); Dự án thực hiện trong phạm vi đất đường bộ đang khai thác, không phải GPMB.

5. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư: cơ bản tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án.

V. Kết luận

1. Kết luận: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh đủ điều kiện để phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo. Yêu cầu Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ theo nội dung nêu tại mục IV nêu trên.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở Tờ trình số 99/TTr-KQLĐBIV ngày 25/6/2026 của Khu QLDB IV về việc trình phê duyệt Dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh, dựa trên kết quả thẩm định, phân tích như trên, Phòng Quản lý chất lượng kính trình Lãnh đạo Cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt Dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh (kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt).

Trong bước tiếp theo, đề nghị Cục ĐBVN chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án thực hiện các nội dung sau:

a) Căn cứ các nội dung được duyệt tại Quyết định và Báo cáo thẩm định của Phòng Quản lý chất lượng, chỉ đạo tư vấn thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

b) Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng rà soát, cập nhật các hư hỏng và điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán gói thầu (nếu cần) để hạn chế việc phát sinh khối lượng trong quá trình triển khai gói thầu.

c) Trong quá trình thực hiện dự án, tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, ATGT và VSMT tuân thủ quy định pháp luật, tránh thất thoát lãng phí.

d) Trước khi triển khai thi công chỉ đạo các đơn vị liên quan

- Lập tiến độ thi công chi tiết của từng hạng mục công việc chính, phù hợp với tiến độ tổng thể; kiểm soát và đẩy nhanh tiến độ thi công để giảm thiểu tối đa thời gian thi công, hạn chế ảnh hưởng tới giao thông trên tuyến.

- Rà soát chi tiết hiện trạng hư hỏng mặt đường hiện hữu, các số liệu đảm bảo trung thực, minh bạch và khách quan; căn cứ tình trạng hư hỏng móng, mặt đường thực tế, đánh giá tình trạng hư hỏng các lớp bên dưới để quyết định phạm vi, chiều sâu, giải pháp xử lý cho phù hợp đảm bảo việc sửa chữa chất lượng, triệt để hư hỏng, tiết kiệm kinh phí và hiệu quả đầu tư tổng thể của dự án.

- Rà soát kỹ hệ thống ATGT, biển báo, tôn lượn sóng, sơn kẻ đường... trước khi thi công các hạng mục này để điều chỉnh, bổ sung (nếu cần) nhằm bảo đảm công trình được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý và an toàn trong khai thác, sử dụng.

đ) Trên cơ sở Quyết định này, triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan. Trong đó lưu ý: trường hợp cấp có thẩm quyền điều chỉnh chính sách thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định đó; căn cứ thời gian thực hiện, nghiệm thu, thanh toán đối với từng khối lượng, hạng mục công việc để chiết giảm thuế VAT và một số phí, lệ phí có liên quan theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Phòng Quản lý chất lượng kính trình Lãnh đạo Cục ĐBVN xem xét, phê duyệt làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng phòng (để b/c);
- Các Phòng: KHTC, QLBT;
- Khu QLDB IV;
- Lưu: QLCL (NVB).



**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trương Mạnh Tuấn

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HẠNG MỤC CHỦ YẾU

Dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo BCTĐ số: 179 /QLCL ngày 29/6/2026 của Phòng QLCL)

STT	Hạng mục chủ yếu	Đơn vị	Khối lượng
1	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường		
1.1	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường theo KC1- chiều dày xử lý 6cm	m2	1.406
1.2	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường theo KC2 - chiều dày xử lý 13cm	m2	5.622
1.3	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường theo KC3 - chiều dày xử lý 28cm	m2	442.40
1.4	Thảm tăng cường mặt đường BTNC 16 dày 5cm (có phụ gia kháng hàn lún)	m2	53.836
3	Hệ thống an toàn giao thông		
3.1	Sơn kẻ vạch đường	m2	1.557
3.2	Thay thế cọc H trên tấm chống chói	cái	6
3.3	Nâng hộ lan mềm	m	270



PHỤ LỤC II: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Dự án: Sửa chữa mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km1939 - Km1941+670, Quốc lộ 1, tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo BCTĐ số: 179 /QLCL ngày 29/6/2026 của Phòng QLCL)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHI CHÚ
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G _{XD}	Bảng tính	23.374.359.259	1.869.948.741	25.244.308.000	VAT 8%
2	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G _{QLDA}	2,535 % x G _{XDĐT}	592.540.000		592.540.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD
3	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD	G _{TV}	TV1 + ... + TV5	1.444.997.292	104.290.743	1.549.288.000	
3.1	Khảo sát bước lập BCKTKT	TV1	Hợp đồng số 262/2026/HĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026	154.075.926	12.326.074	166.402.000	
3.2	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV2	Hợp đồng số 262/2026/HĐ-KQLĐBIV ngày 14/5/2026	527.566.667	42.205.333	569.772.000	
3.3	Giám sát thi công xây dựng	TV3	2,661 % x G _{XD}	621.991.700	49.759.336	671.751.000	Thông tư 12/2021/TT-BXD
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	TV4	0,400 % x G _{GTXD} (tối đa 120.000.000 đồng)	94.242.000		94.242.000	Nghị định 214/2025/NĐ-CP
3.5	Chi phí thẩm định HS mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	TV5	0,200 % x G _{GTXD} (tối đa 120.000.000 đồng)	47.121.000		47.121.000	Nghị định 214/2025/NĐ-CP
4	CHI PHÍ KHÁC	G _K	K1 + ... + K5	391.752.296	27.319.704	419.072.000	
4.1	Chi phí đảm bảo giao thông	K1	Bảng tính	186.112.037	14.888.963	201.001.000	VAT 8%
4.2	Phí thẩm định BCKTKT	K2	0,017 % x TMĐT (Tối thiểu 500.000 đồng) x 50%	2.499.000		2.499.000	Thông tư 28/2023/TT-BTC; Thông tư 64/2025/TT-BTC
4.4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K4	0,343 % x Tổng kinh phí sau loại trừ x 50%	47.757.000		47.757.000	Nghị định 193/2026/NĐ-CP
4.5	Chi phí kiểm toán	K5	0,558 % x Tổng kinh phí sau loại trừ x 1,08	155.384.259	12.430.741	167.815.000	Nghị định 193/2026/NĐ-CP
5	TỔNG	S	G _{XD} +G _{QLDA} +G _{TV} +G _K	25.803.648.848	2.001.559.188	27.805.208.000	
6	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G _{DP}	5,00 % x S			1.390.260.000	
	TỔNG KINH PHÍ	G _{XDCT}	S + G _{DP}			29.195.468.000	